

Bản án số: 52/2018/DS-ST

Ngày: 27-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Tấn Tiên;
2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát Viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú cư trú: Ấp L, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2018 và các biên bản làm việc của nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Bà và chị T không bà con chỉ quen biết do ở cùng xóm. Vào ngày 28-12-2007, chị T đi một mình đến nhà bà mượn số tiền 20.000.000 đồng, không thế chấp tài sản, thời hạn trả nợ là ba tháng, mục đích chị T mượn tiền về làm vốn bán hủ tiếu.

Khi mượn tiền, chị T có ghi giấy nợ và có cả hai vợ chồng chị T, anh D ký tên trong giấy nợ giao cho bà giữ. Đến hạn, chị T không trả nợ, bà có đi đòi nhiều lần nhưng chị T cứ hẹn nợ.

Năm 2015, bà có khởi kiện vợ chồng chị T, anh D yêu cầu chị T anh D trả cho bà số tiền mượn còn nợ là 20.000.000 đồng nhưng chị T năn nỉ xin hẹn nợ. Do đó bà rút đơn khởi kiện lại, không yêu cầu giải quyết. Sau đó, chị T cũng không trả nợ cho bà, nay bà lại tiếp tục khởi kiện chị T.

Bà Đ xác định khởi kiện một mình chị T và yêu cầu chị T trả cho bà số tiền mượn còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu anh D (chồng chị T) trả nợ cho bà.

Bà Đ không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị và bà Đ không bà con chỉ quen biết do ở cùng xóm, anh D là chồng của chị. Chị thừa nhận ngày 28-12-2007, chị có mượn số tiền 20.000.000 đồng của bà Đ, mục đích mượn tiền để sử dụng riêng, anh D chồng chị không biết việc mượn tiền này. Chị có ký tên trong giấy nhận nợ giao cho bà Đ giữ, anh D không ký tên trong giấy nợ. Sau ngày mượn tiền, chị có trả góp cho bà Đ nhiều lần, một lần 500.000 đồng, một lần 1.000.000 đồng, trả góp đến khoảng năm 2016 thì hết nợ. Do tin tưởng bà Đ nên khi trả tiền chị không yêu cầu bà Đ ghi giấy nhận tiền.

Năm 2010, chị và anh D sống không hợp tánh tình, anh D bỏ về nhà mẹ ruột ở huyện Hóc Môn sinh sống, địa chỉ cụ thể chị không biết và cũng không đi tìm. Từ năm 2010 đến nay, vợ chồng không gặp lại bàn bạc việc đoàn tụ, hiện nay chị và anh D sống ly thân nhưng chưa ly hôn.

Chị xác định, chị mượn tiền của bà Đ sử dụng riêng, anh D không biết và chỉ có một mình chị ký tên trong giấy mượn tiền giao cho bà Đ giữ. Bà Đ cung cấp chứng cứ là giấy nợ có cả hai vợ chồng chị T anh D cùng ký tên trong giấy nợ là không đúng. Chị cho rằng bà Đ ký tên và ghi tên Nguyễn Văn D (chồng chị) thêm vào trong giấy nhận nợ nhưng chị không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của anh D tại cơ quan chuyên môn.

Nay bà Đ khởi kiện và yêu cầu chị trả số tiền mượn còn nợ là 20.000.000 đồng, chị không đồng ý vì chị đã trả nợ cho bà Đ xong.

Ngoài ra chị T không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến.

Tại Tòa, bà Đ xác định do chị T cùng xóm nên khi chị T hỏi mượn tiền, bà không có tiền nên đi vay tiền của người khác lãi suất 5%/tháng về cho chị T vay lại nhưng trong giấy nợ ghi mượn tiền. Chị T đóng tiền lãi được ba tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng thì ngưng. Từ năm 2015 đến năm 2016, sau ngày bà rút đơn khởi kiện chị T lại, chị T trả tiền nợ gốc hai lần, mỗi lần 200.000 đồng, tổng cộng là 400.000 đồng.

Nay bà yêu cầu chị T trả cho bà số tiền vay còn nợ là 19.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu anh D chồng chị T liên đới trả nợ cho bà.

Chị T, thừa nhận năm 2007 có vay tiền của bà Đ là 20.000.000 đồng, có ký tên nhận tiền của bà Đ là có thật nhưng trong giấy ghi mượn tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Từ khi vay tiền đến năm 2016, chị đóng tiền lãi đầy đủ nhưng không nhớ chính xác bao nhiêu tiền và đã trả xong tiền nợ gốc 20.000.000 đồng cho bà Đ. Do tin tưởng bà Đ, nên khi trả tiền chị T không yêu cầu bà Đ ghi giấy nhận tiền.

Chị T xác định đã trả cho bà Đ số tiền vay 20.000.000 đồng xong, chị không đồng ý trả 19.600.000 đồng theo như yêu cầu của bà Đ.

Ngoài ra, đối với số tiền lãi mà chị T đã đóng cho bà Đ lãi suất 5%/tháng, chị T chấp nhận vay thì chấp nhận đóng tiền lãi. Hai bên không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi theo quy định pháp luật.

Các bên không trình bày gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án cũng như tại Tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xem như từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc tranh chấp : “Hợp đồng vay tài sản”.

Chị T có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền vay còn nợ là 19.600.000 (mười chín triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Ghi nhận: Hai bên không yêu cầu tính lại tiền lãi theo quy định.

Ghi nhận: Bà Đ không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu anh D (chồng chị T) liên đới trả nợ cho bà Đ.

2. Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan yêu cầu, đề nghị của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần cho anh D nhưng đến giờ này anh D vẫn vắng mặt không lý do xem như anh D từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, hai bên không yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu. Hơn nữa, bà Đ chỉ yêu cầu chị T trả lại số tiền vay còn nợ 19.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Do đó, Tòa án không xem xét, không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Do có quen biết nhau, ngày 28-12-2007 bà Đ có cho chị T vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng trong giấy ghi mượn tiền; khi vay tiền chị T có ký tên vào giấy nhận nợ và cam kết trong thời hạn ba tháng sẽ trả hết nợ, nhưng đến nay chỉ trả được 400.000 đồng, còn nợ lại 19.600.000 đồng chưa trả.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ yêu cầu chị T trả cho bà số tiền vay còn nợ là 19.600.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà Đ yêu cầu chị T trả số tiền vay còn nợ là 19.600.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết bà Đ cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền ghi ngày 28-12-2007 có chữ ký của chị T. Mặc khác, quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay chị T cũng thừa nhận có vay 20.000.000 đồng của bà Đ, có ký tên trong giấy mượn tiền giao cho bà Đ giữ. Do đó, có cơ sở xác định chị T có vay tiền của bà Đ là có thật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với chị T là có cơ sở phù hợp pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, bà Đ không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu anh D chồng chị Tâm liên đới trả nợ cho bà Đ nên ghi nhận.

[3] Đối với việc chị T cho rằng đã trả cho bà Đ số tiền 20.000.000 đồng, khi trả tiền do tin tưởng bà Đ nên chị không yêu cầu bà Đ ghi giấy nhận tiền.

Xét việc khai nại của chị T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết chị T không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của chị. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc khai nại của chị T.

[4] Đối với việc chị T cho rằng, bà Đ ký tên và ghi tên Nguyễn Văn D (chồng chị T) thêm vào trong giấy nhận nợ.

Xét thấy, quá trình giải quyết chị T không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của chị; chị cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu chữ ký và chữ viết của anh D tại cơ quan chuyên môn. Mặc khác, bà Đ không khởi kiện anh D,

không yêu cầu anh D trả nợ cho bà. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết là đúng theo quy định pháp luật.

[5] Đối với việc chị T đã đóng tiền lãi cho bà Đ lãi suất 5%/tháng/20.000.000 đồng, ba tháng là 3.000.000 đồng. Tại Tòa, hai bên không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi theo quy định pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Tâm có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền vay còn nợ là 19.600.000 (mười chín triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận: Hai bên không yêu cầu tính lại tiền lãi theo quy định.

Ghi nhận: Bà Đ không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu anh Nguyễn Văn D (chồng chị T) liên đới trả nợ cho bà Đ.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 980.000 (chín trăm tám mươi ngàn) đồng.

Bà Đ không phải chịu án phí.

Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Đ số tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0010799 ngày 16-7-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà Đ, chị T có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh D vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Dương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Đào Thị Hiền